

**DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP HUYỆN**

Áp dụng đối với: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện/thị xã/thành phố

STT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
A	B	C	E	G
1	Giáo dục mầm non	001.N/H0301-02-03-04-05.1-GDĐT	Năm	Ngày 20 tháng 10 năm báo cáo
2	Giáo dục mầm non chia theo xã/phường/thị trấn	002.N/H0301-02-03-04-05.2-GDĐT	Năm	Ngày 20 tháng 10 năm báo cáo
3	Số trường học, lớp học tiểu học, trung học cơ sở	003.N/H0306-07-GDĐT	Năm	Ngày 20 tháng 10 năm báo cáo
4	Phòng học tiểu học, trung học cơ sở	004.N/H0308-GDĐT	Năm	Ngày 20 tháng 10 năm báo cáo
5	Số giáo viên tiểu học, trung học cơ sở	005.N/H0309-GDĐT	Năm	Ngày 20 tháng 10 năm báo cáo
6	Số học sinh tiểu học, trung học cơ sở	006.N/H0310-GDĐT	Năm	Ngày 20 tháng 10 năm báo cáo

Biểu số: 001.N/H0301-02-03-04-05.1-GDDT

Ban hành kèm theo Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh Bình Phước

Ngày nhận báo cáo: Ngày 20 tháng 10 năm báo cáo

GIÁO DỤC MẦM NON
Năm học 200... - 200...

(Có tại ngày 30 tháng 9 năm ...)

Đơn vị báo cáo:
Phòng Giáo dục và Đào tạo

.....
Đơn vị nhận báo cáo:
Chi cục Thống kê

.....

A	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra:			Đạt chuẩn
				Công lập	Dân lập	Tư thực	
B	C	1	2	3	4	5	
1. Trường học	01						×
- Nhà trẻ	02	Nhà trẻ					×
- Mẫu giáo	03	Trường					
- Mầm non	04	“					
- Nhóm trẻ độc lập	05	Cơ sở					×
- Lớp mẫu giáo độc lập	06	Cơ sở					×
- Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	07	Cơ sở					×
2. Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	08						×
- Nhóm trẻ	09	Nhóm trẻ					×
- Lớp mẫu giáo	10	Lớp					×
3. Phòng học	11						×
- Nhà trẻ	12	Phòng học					×
<i>Chia ra:</i>							×
+ Kiên cố	13	“					×
+ Bán kiên cố	14	"					×
+ Nhà tạm	15	“					×
- Mẫu giáo	16	Phòng học					×
<i>Chia ra:</i>							×

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra:			Đạt chuẩn
				Công lập	Dân lập	Tư thực	
A	B	C	1	2	3	4	5
+ Kiên cố	17	“					×
+ Bán kiên cố	18	”					×
+ Nhà tạm	19	“					×
4. Giáo viên	20						×
- Nhà trẻ	21	Người					×
Trong tổng số:							×
+ Nữ	22	Người					×
+ Dân tộc thiểu số	23	”					×
+ Đạt chuẩn trở lên	24	”					×
- Mẫu giáo	25	Người					×
Trong tổng số:							×
+ Nữ	26	Người					×
+ Dân tộc thiểu số	27	”					×
+ Đạt chuẩn trở lên	28	”					×
5. Học sinh	29	Người					×
a. Nhà trẻ	30	“					×
- Trong tổng số:							×
+ Nữ	31	Người					×
+ Dân tộc thiểu số	32	”					×
+ Khuyết tật	33	”					×
+ Suy dinh dưỡng	34	“					×
- Chia theo độ tuổi:							×
+ Từ 03 đến 12 tháng tuổi	35	“					×

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra:			Đạt chuẩn
				Công lập	Dân lập	Tư thực	
A	B	C	1	2	3	4	5
+ Từ 13 đến 24 tháng tuổi	36	“					×
+ Từ 25 đến 36 tháng tuổi	37	“					×
b. Mẫu giáo	38	Người					×
- Trong tổng số:							×
+ Nữ	39	“					×
+ Dân tộc thiểu số	40	“					×
+ Khuyết tật	41	“					×
+ Suy dinh dưỡng	42	“					×
- Chia theo độ tuổi:		“					×
+ Từ 3 đến 4 tuổi	43	“					×
+ Từ 4 đến 5 tuổi	44	“					×
+ Từ 5 đến 6 tuổi	45	“					×

....., Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

	Mã số	Trường học						Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo		Phòng học (Phòng)			Học sinh (Người)		Giáo viên (Người)				
		Nhà trẻ (Nhà trẻ)	Mẫu giáo (Trường)	Trong đó: Đạt chuẩn	Mầm non (Trường)	Trong đó: Đạt chuẩn	Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (Cơ sở)	Nhóm trẻ (Nhóm)	Lớp mẫu giáo (Lớp)	Tổng số	Chia ra:			Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Trong đó: Đạt chuẩn	Mẫu giáo	Trong đó: Đạt chuẩn
											Kiên cố	Bán kiên cố	Nhà tạm						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
-																			
-																			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ: 001.N/H0301-02-03-04-05.1-GDDĐT: GIÁO DỤC MẦM NON

BIỂU SỐ 002.N/H0301-02-03-04-05.2-GDDĐT: GIÁO DỤC MẦM NON CHIA THEO XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Cơ sở giáo dục mầm non bao gồm: Nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập, trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập, trường mầm non.

- Nhà trẻ là cơ sở giáo dục mầm non nhận trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 03 tuổi.

- Trường mẫu giáo là cơ sở giáo dục mầm non nhận trẻ em từ 03 tuổi đến 06 tuổi.

- Trường mầm non là cơ sở kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi.

- Nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập là những cơ sở nhà trẻ, mẫu giáo ở những nơi chưa đủ điều kiện để thành lập trường nhưng đã được cấp giấy phép hoạt động.

- Trường mẫu giáo, trường mầm non đạt chuẩn quốc gia là cơ sở đáp ứng các tiêu chuẩn và được công nhận đạt chuẩn theo quy định hiện hành.

- Loại hình:

+ Trường công lập do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và đại diện chủ sở hữu;

+ Trường dân lập do cộng đồng dân cư ở cơ sở gồm tổ chức và cá nhân tại thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc, xã, phường, thị trấn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm điều kiện hoạt động;

+ Trường tư thục do nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động.

b) Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

- Nhóm trẻ là trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi được tổ chức thành các nhóm trẻ theo độ tuổi từ 03 đến 12 tháng tuổi; từ 13 đến 24 tháng tuổi; từ 25 đến 36 tháng tuổi.

Nhóm trẻ bao gồm: Các nhóm trẻ ở các nhà trẻ, trường mầm non, nhóm trẻ độc lập, nhóm trẻ tại cơ sở giáo dục khác.

- Lớp học mẫu giáo là trẻ em từ 03 tuổi đến 06 tuổi được tổ chức thành các lớp mẫu giáo theo độ tuổi từ 3 đến 4 tuổi; từ 4 đến 5 tuổi; từ 5 đến 6 tuổi.

Lớp học mẫu giáo bao gồm: Các lớp mẫu giáo của trường mẫu giáo, trường mầm non, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mẫu giáo tại cơ sở giáo dục khác.

c) Phòng học mầm non

Phòng học mầm non bao gồm: Phòng học nhà trẻ và phòng học mẫu giáo.

- Phòng học nhà trẻ bao gồm: Các phòng học dành để nuôi, dạy các cháu ở độ tuổi nhà trẻ (3 tháng đến 36 tháng) ở các nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập, trường mầm non, cơ sở giáo dục khác.

- Phòng học mẫu giáo bao gồm: Các phòng học dành cho lứa tuổi mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi) của các trường mẫu giáo, trường mầm non, lớp mẫu giáo độc lập, cơ sở giáo dục khác.

Loại phòng:

- Phòng học kiên cố là các phòng học có ba kết cấu chính đều được làm bằng vật liệu bền chắc và có niên hạn sử dụng trên 20 năm.

- Phòng học bán kiên cố là các phòng học có chất lượng xây dựng và thời hạn sử dụng thấp so với nhà kiên cố, có hai trong ba kết cấu chính được làm bằng vật liệu bền chắc và có niên hạn sử dụng dưới 20 năm.

- Phòng học tạm là các phòng học không thuộc các nhóm trên, bao gồm các phòng học ở các nhà có kết cấu vật liệu đơn giản như nhà có vách lá dừa, lá tranh, đất... mái nhà bằng lá dừa, tre, nứa...các loại lều lán, trại và những nơi tạm dựng có tính chất tạm thời.

d) Giáo viên mầm non

Giáo viên mầm non bao gồm: Giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo.

- Giáo viên nhà trẻ (tổng số tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên) là người làm nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập và nhóm trẻ trong trường mầm non.

- Giáo viên mẫu giáo (tổng số tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên) là người làm nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường mẫu giáo, trường mầm non, lớp mẫu giáo độc lập và lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục khác.

Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên nhà trẻ, mẫu giáo là có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên.

đ) Trẻ em mầm non

Trẻ em mầm non bao gồm: Trẻ em nhà trẻ và trẻ em mẫu giáo.

- Trẻ em nhà trẻ bao gồm: Trẻ em từ 3 tháng đến 36 tháng tuổi đi học ở các nhóm trẻ của các nhà trẻ, trường mầm non, nhóm trẻ độc lập, nhóm trẻ tại cơ sở giáo dục khác.

- Trẻ em mẫu giáo bao gồm: Trẻ em đi học ở các lớp mẫu giáo của trường mẫu giáo, trường mầm non, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mẫu giáo ở các cơ sở giáo dục khác.

Trẻ em dân tộc là trẻ em người dân tộc không phải là dân tộc Kinh.

Trẻ em khuyết tật học hòa nhập là trẻ em bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn và được ra lớp học chung với người không khuyết tật tại các cơ sở giáo dục mầm non.

Trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi là trẻ em được đánh giá là nhẹ cân và thấp còi căn cứ theo bảng phân loại của Tổ chức y tế thế giới (WHO).

2. Cách ghi biểu

Các chỉ tiêu ghi như quy định trong biểu, đối với phòng học được chia thành 3 loại: kiên cố, bán kiên cố và nhà tạm.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn huyện/thị xã/thành phố. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo (số liệu theo năm học).

4. Nguồn số liệu

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện/thị xã/thành phố ...

	Mã số	Trường học (Trường học)															Lớp học (Lớp)					
		Tiểu học			Trung học cơ sở			Tiểu học và trung học cơ sở			Trung học cơ sở và trung học phổ thông			Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông			Tiểu học		Trung học cơ sở		Lớp ghép	
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Công lập	Tổng số	Trong đó: Công lập	Tổng số	Trong đó: Công lập
			Công lập	Đạt chuẩn		Công lập	Đạt chuẩn		Công lập	Đạt chuẩn		Công lập	Đạt chuẩn		Công lập	Đạt chuẩn						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

....., Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

		Tiểu học							Trung học cơ sở						
		Tổng số	Công lập			Tư thực			Tổng số	Công lập			Tư thực		
			Kiên cố	Bán kiên cố	Nhà tạm	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhà tạm		Kiên cố	Bán kiên cố	Nhà tạm	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhà tạm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

	Mã số	Tiểu học					Trung học cơ sở				
		Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số			
			Công lập	Nữ	Dân tộc thiểu số	Đạt chuẩn trở lên		Công lập	Nữ	Dân tộc thiểu số	Đạt chuẩn trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	9	9	10

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

	Mã số	Tiểu học						Trung học cơ sở					
		Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số				
			Công lập	Nữ	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	6-10 tuổi		Công lập	Nữ	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	11-14 tuổi
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ: 003.N/H0306-07-GDDT: SỐ TRƯỜNG HỌC, LỚP HỌC TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ;

BIỂU SỐ: 004.N/H0308-GDDT: PHÒNG HỌC TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ;

BIỂU SỐ: 005.N/H0309-GDDT: SỐ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ;

BIỂU SỐ: 006.N/H0310-GDDT: SỐ HỌC SINH TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ

Thu thập chỉ tiêu phản ánh số lượng, chất lượng trường học, phòng học, lớp học, giáo viên, học sinh của giáo dục phổ thông trong năm học của kỳ báo cáo, giúp cho việc đánh giá tình hình giáo dục theo cấp học và theo loại hình giáo dục trong phạm vi toàn huyện/thị xã/thành phố.

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Trường tiểu học, trung học cơ sở

- Trường tiểu học là cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học từ lớp 01 đến lớp 05.

- Trường trung học là cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở từ lớp 06 đến lớp 09.

- Ngoài trường tiểu học và trung học cơ sở, hiện nay còn có trường phổ thông có nhiều cấp học, gồm:

+ Trường tiểu học và trung học cơ sở là cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở từ lớp 01 đến lớp 09.

+ Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông là cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông từ lớp 06 đến lớp 12.

+ Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông là cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông từ lớp 01 đến lớp 12.

Trường đạt chuẩn quốc gia là trường đáp ứng các tiêu chuẩn và được công nhận đạt chuẩn theo quy định hiện hành.

Loại hình:

- Trường công lập do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và đại diện chủ sở hữu;

- Trường tư thục do nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động.

b) Lớp tiểu học, trung học cơ sở

Lớp học là một tổ chức của trường học, gồm các học sinh học cùng một chương trình giáo dục hoặc nhiều chương trình giáo dục.

- Số lớp tiểu học bao gồm các lớp từ lớp 01 đến lớp 05.

- Số lớp trung học cơ sở bao gồm các lớp từ lớp 06 đến lớp 09.

- Lớp ghép: là lớp học dạy 2 hoặc nhiều chương trình giáo dục của nhiều khối lớp cho một số học sinh cùng ngồi học trong một phòng học, lớp học.

c) Phòng học tiểu học, trung học cơ sở

Phòng học là cơ sở vật chất của trường học, nơi học sinh thường xuyên đến học theo từng lớp học để nghe giáo viên giảng bài.

- Số phòng học cấp tiểu học bao gồm số phòng học trường tiểu học, phòng học cấp tiểu học trong các trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Số phòng học cấp trung học cơ sở bao gồm số phòng học trường trung học cơ sở, phòng học cấp trung học cơ sở trong các trường phổ thông có nhiều cấp học.

Loại phòng:

- Phòng học kiên cố là các phòng học có ba kết cấu chính đều được làm bằng vật liệu bền chắc và có niên hạn sử dụng trên 20 năm.

- Phòng học bán kiên cố là các phòng học có chất lượng xây dựng và thời hạn sử dụng thấp so với nhà kiên cố, có hai trong ba kết cấu chính được làm bằng vật liệu bền chắc và có niên hạn sử dụng dưới 20 năm.

- Phòng học tạm là các phòng học không thuộc các nhóm trên, bao gồm các phòng học ở các nhà có kết cấu vật liệu đơn giản như nhà có vách lá dừa, lá tranh, đất... mái nhà bằng lá dừa, tre, nứa...các loại lều lán, trại và những nơi tạm dựng có tính chất tạm thời.

d) Giáo viên tiểu học, trung học cơ sở

- Giáo viên tiểu học (tổng số tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên) là giáo viên dạy tại các trường tiểu học và dạy cấp tiểu học tại các trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Giáo viên trung học cơ sở (tổng số tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên) là giáo viên dạy tại các trường trung học cơ sở và dạy cấp trung học cơ sở tại các trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trường hợp giáo viên tham gia dạy 2 cấp học thì căn cứ vào chức danh nghề nghiệp của giáo viên.

- Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông: Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

đ) Học sinh tiểu học, trung học cơ sở

- Học sinh tiểu học là học sinh đang học tại các khối từ lớp 01 đến lớp 05 tại các trường tiểu học, các trường phổ thông nhiều cấp học.

- Học sinh trung học cơ sở là học sinh đang học tại các khối lớp từ lớp 06 đến lớp 09 đang học tập tại các trường trung học cơ sở và các trường phổ thông nhiều cấp học.

- Học sinh dân tộc là học sinh thuộc các dân tộc không phải là dân tộc Kinh.

- Học sinh khuyết tật học hòa nhập là học sinh bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn và được ra lớp học chung với người không khuyết tật tại các cơ sở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở.

2. Cách ghi biểu

a) Các chỉ tiêu ghi như quy định trong biểu, đối với phòng học được chia thành 3 loại: kiên cố, bán kiên cố và nhà tạm.

b) Trường hợp đặc biệt

(1) Trường hợp giáo viên tham gia dạy 2 cấp học thì căn cứ vào chức danh nghề nghiệp của giáo viên.

- Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên.

- Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

(2) Trường hợp lớp ghép quy định như sau: Nếu số học sinh các lớp khác nhau thì tính là lớp có số học sinh nhiều hơn. Ví dụ: Trong lớp ghép có số học sinh

lớp 6 nhiều hơn số học sinh lớp 5 thì tính lớp ghép này vào lớp 6. Nếu số học sinh bằng nhau thì tính lớp ghép này vào lớp cao hơn.

(3) Học sinh lớp ghép: Học sinh học chương trình lớp nào tính vào số học sinh của lớp đó.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

a) Các loại hình trường phổ thông trên phạm vi toàn huyện/thị xã/thành phố. Không bao gồm các loại sau:

(1) Các trường tiểu học chuyên biệt: Là trường tiểu học đặc biệt dành cho trẻ em bị khuyết tật nặng như: mù, câm, điếc, kém phát triển.

(2) Các lớp tiểu học gia đình, lớp tiểu học linh hoạt, lớp tiểu học tình thương, lớp học dành cho trẻ em lang thang đường phố.

(3) Các trường trung học năng khiếu nghệ thuật, năng khiếu thể dục thể thao, trường trung học dành cho trẻ em khuyết tật.

(4) Học sinh và giáo viên phổ thông tại các trường đại học.

b) Thời kỳ thu thập năm báo cáo (số liệu theo năm học).

4. Nguồn số liệu

Phòng Giáo dục và Đào tạo